

Bản án số: 80/2024/HNGĐ-ST

Ngày 10-12-2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Phan Tuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Trần Tấn Phát;
- Ông Trần Hoài Duy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Ngọc Hoàng Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Nhiên, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 473/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13-11-2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29-11-2024 giữa các đương sự:

*1/ Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thúy V, sinh năm 1993; địa chỉ: Số C, hẻm B, đường T, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; hiện trú tại: Số D, hẻm E, đường Đ, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

*2/ Bị đơn:* Anh Cao Văn T, sinh năm 1990; địa chỉ: Số C, hẻm B, đường T, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện ngày 19-9-2024, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án của nguyên đơn chị Trần Thị Thúy V trình bày:*

Chị và anh Cao Văn T tự nguyện chung sống vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 26-6-2017 tại UBND phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; sau khi kết hôn vợ chồng về sống bên gia đình anh T, cuộc sống vợ chồng lúc đầu

hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh T không quan tâm đến gia đình, thường xuyên đi không về nhà, anh chị đã ly thân từ tháng 07-2024 cho đến nay, chị về nhà cha mẹ ruột sống. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, không thể sống chung với nhau được nữa nên chị xin ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Có 02 cháu tên Cao Nhật T1, sinh năm 2019 và Cao Ngọc Thúy V1 sinh năm 2021 hiện đang sống với chị; chị yêu cầu được nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Cao Văn T trình bày:*

Anh đồng ý thông nhất với phần trình bày của chị V về thời gian tự nguyện chung sống, vợ chồng có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn; nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị V trình bày là đúng, vì do tính chất công việc của anh làm cây theo xe nên anh đi ít về nhà, anh có nhậu nhẹt, ít quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm thường xuyên cãi nhau. Nay chị V xin ly hôn anh không đồng ý do còn thương con, mong muốn con có đủ cha mẹ.

+ Về con chung: Có 02 cháu tên Cao Nhật T1, sinh năm 2019 và Cao Ngọc Thúy V1 sinh năm 2021 hiện đang sống với chị V, đồng ý giao chị V nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, tư cách pháp lý và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự sơ thẩm; người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thúy V. Chị Trần Thị Thúy V và anh Cao Văn T được ly hôn.

Về con chung: Giao 02 cháu Cao Nhật T1, sinh năm 2019 và Cao Ngọc Thúy V1 sinh năm 2021 cho chị V nuôi dưỡng; ghi nhận chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thúy V: Theo chị V khai chị và anh Cao Văn T tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 26-6-2017 tại UBND phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Do đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh T không quan tâm đến gia đình, thường xuyên đi không về nhà, anh chị đã ly thân từ tháng 07-2024 đến nay và chị V đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, không thể sống chung với nhau được nữa nên chị xin ly hôn với anh T. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án anh T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị V trình bày là đúng, vì do tính chất công việc của anh làm cây phải theo xe nên anh đi, ít về nhà, anh có nhậu nhẹt, ít quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm thường xuyên cãi nhau. Nay chị V xin ly hôn anh không đồng ý do còn thương con, mong muốn con có đủ cha mẹ; nhưng anh không đưa ra được biện pháp để thuyết phục chị V hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng; chị V không đồng ý kiên quyết xin ly hôn với anh T và trình bày có lần anh T đe dọa chế dẫu hôi lên người và rưới đầy nhà nhằm mục đích tự tử. Như vậy thể hiện cho thấy mâu thuẫn giữa anh T với chị V ngày càng nhiều nên tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thúy V đối với anh Cao Văn T.

[2] Về con chung: Có 02 cháu tên Cao Nhật T1, sinh năm 2019 và Cao Ngọc Thúy V1 sinh năm 2021 hiện đang sống với chị V; chị V yêu cầu được nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án anh T đồng ý. Xét thấy căn cứ Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con cho chị V nuôi; anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ghi nhận chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị V và anh T khai là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án

phí đã nộp theo biên lai thu số: 0003303 ngày 04-10-2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thúy V đối với anh Cao Văn T; chị Trần Thị Thúy V được ly hôn với anh Cao Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị V nuôi 02 cháu Cao Nhật T1, sinh năm 2019 và Cao Ngọc Thúy V1 sinh năm 2021; ghi nhận chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0003303 ngày 04-10-2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

5. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các bên được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại UBND xã (phường) nơi cư trú.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự./.

#### **Nơi nhận:**

- PKTNV TA tỉnh;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Lê Phan Tuyền**